

Bản án số: 09/2021/HSST
Ngày 19-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tiến Thạch và ông Trần Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/HSST ngày 05-02-2021, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/QĐXXST-HS ngày 05-3-2021, đối với các bị cáo:

1. Lương Đức T; tên gọi khác: không; sinh ngày: 09 tháng 7 năm 1980 tại tỉnh Y; giới tính: Nam; nơi cư trú: Tổ 7, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Y; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Lương Đình L, sinh năm: 1949 (đã chết) và bà: Bùi Thị N, sinh năm: 1947; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 10-11-2020, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Hoàng Liên S; tên gọi khác: không; sinh ngày 10 tháng 9 năm 1976 tại tỉnh Yên Bái; giới tính: Nam, nơi cư trú: Tổ 2, phường Y, thành phố Y, tỉnh Y; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa 8/10; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Hoàng Văn D, sinh năm: 1948 và bà: Phạm Thị C, sinh năm: 1948; vợ: Nguyễn Thị D1, sinh năm: 1981, con: có 01 sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2007 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 70/XPHC ngày 16-5-2007 của Công an thành phố Yên Bái), bị đưa đi cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng (Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 18-7-2007 của Chủ tịch UBND thành phố Yên Bái). Bị cáo bị bắt ngày 10-11-2020, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm: 1974, địa chỉ: Thôn C, xã ĐC, huyện V, tỉnh Y. Có mặt

- Ông Hoàng Văn D, sinh năm: 1948, địa chỉ: Tổ 2, phường Y, thành phố Y, tỉnh Y. Có mặt

* *Người chứng kiến*: Ông Mai Lâm H, sinh năm: 1950, địa chỉ: Tổ 14, phường YN, thành phố Y, tỉnh Y. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Đức T và Hoàng Liên S là các đối tượng nghiện chất ma túy (Heroin). Khoảng 08 giờ 20 phút ngày 10-11-2020, Hoàng Liên S và một người đàn ông tên là C nhà ở khu vực phường N, thành phố Y, tỉnh Y, mỗi người đã đưa cho Lương Đức T 250.000 đồng để nhờ T mua hộ ma túy về sử dụng. T đồng ý và bảo S và C đến khu vực cầu Tuần Quán đợi. Đồng thời, T cũng bỏ ra 250.000 đồng trong tổng số tiền 275.000 đồng T đang mang theo để mua ma túy cho bản thân. Với tổng số tiền 750.000 đồng, T đi mua được 03 đoạn ống hút nhựa màu vàng, cam có kẻ sọc màu trắng, được hàn kín, bên trong đều chứa chất ma túy (Heroin). Sau khi mua được ma túy, T đem số ma túy vừa mua được đến khu vực đường nối cầu Tuần Quán với đường Âu Cơ (thuộc tổ 14, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái) để chia cho S và C. Tại đây, T đưa cho S 01 đoạn ống hút nhựa bên trong có chứa chất ma túy, T cắt 01 đoạn ống hút nhựa bên trong có chứa chất ma túy vào trong túi áo khoác đang mặc. Còn đoạn ống hút nhựa có chứa chất ma túy còn lại T đổ ra tờ tiền 2.000 đồng để chia cho C nhưng chưa kịp đưa thì đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, bị tổ công tác của Công an thành phố Yên Bái kiểm tra, bắt quả tang T và S về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, người đàn ông tên C đã bỏ chạy.

Thu giữ của Lương Đức T: 01 vỏ đoạn ống nhựa màu vàng cam có kẻ sọc màu trắng được hàn kín một đầu; 01 dao lam có chữ CROMA; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng được gói lại, 01 đoạn ống nhựa màu vàng cam có kẻ sọc màu trắng được hàn kín và 01 gói giấy dạng tờ lịch, bên trong đều chứa chất ma túy (heroin); 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia đen trắng màu đen, đã qua sử dụng, lắp sim có số thuê bao 0395.281.461; 01 xe moto nhãn hiệu JUPITER màu đen đã qua sử dụng, gắn biển kiểm soát 21V2 – 8459; số tiền 55.000 đồng.

Thu giữ của Hoàng Liên S: 01 đoạn ống nhựa màu vàng cam có kẻ sọc màu trắng được hàn kín bên trong có chứa chất ma túy (heroin); 05 mảnh giấy (loại tờ lịch) được cắt nhỏ. Số tiền 1.370.000 đồng; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 060.686.810 mang tên Hoàng Liên S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstell màu xanh-đen đã qua sử dụng lắp 02 sim có số thuê bao 0375.019.843 và 0845.847.900; 01 ví giả da màu nâu đen đã qua sử dụng; 01 xe moto có chữ wave Alpha màu đỏ đen đã qua sử dụng gắn biển kiểm soát 21V3 – 5821.

Quá trình điều tra Lương Đức T khai số ma túy trên T mua của Tạ Đình P, sinh năm 1975, địa chỉ: tổ 12, phường YN, thành phố Y, tỉnh Y với giá 750.000 đồng. Sau khi mua bán xong, T xin P 30.000 đồng để đổ xăng, P lấy từ túi quần đang mặc đưa cho T 30.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái đã khám xét nơi ở của P, thu giữ 01 giấy chứng minh nhân dân số 060.665.339 mang tên Tạ Đình P; 01 điện thoại di động loại bàn phím màu xanh nhãn hiệu Nokia có gắn sim số 0912.978.889. P không thừa nhận đã bán ma túy

cho Lương Đức T.

Tại Bản kết luận giám định số: 182/GĐMT ngày 16-11-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận:

“1. Chất bột nén màu trắng thu giữ trong túi áo khoác bên trái Lương Đức T đang mặc khi bắt quả tang có khối lượng 0,29 gam. 0,08 gam trích từ 0,29 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroin.

2. Chất bột nén màu trắng thu giữ trong túi quần nhỏ bên phải Lương Đức T đang mặc khi bắt quả tang có khối lượng là 0,065 gam. 0,065 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroin.

3. Chất bột nén màu trắng thu giữ tại mặt đất do Lương Đức T thả từ tay phải khi bắt quả tang có khối lượng là 0,29 gam. 0,08 gam trích từ 0,29 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroin.

4. Chất bột nén màu trắng thu giữ của Hoàng Liên S khi bắt quả tang có khối lượng là 0,27 gam. 0,07 gam trích từ 0,27 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroin”

Cáo trạng số 07-CT-VKSTP ngày 03-02-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố Lương Đức T và Hoàng Liên S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lương Đức T và Hoàng Liên S phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lương Đức T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, xử phạt bị cáo Hoàng Liên S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, không tranh luận gì và đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Lờn nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn

phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ của vụ án, và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Hành vi tàng trữ trái phép ma túy không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy của các bị cáo Lương Đức T và Hoàng Liên S thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Lương Đức T đã tàng trữ trái phép 0,645 gam chất ma túy, đồng thời là người mua hộ 0,27 gam ma túy cho Hoàng Liên S để sử dụng. Do đó, T phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng số lượng chất ma túy đã tàng trữ và mua hộ là 0,915 gam. Hoàng Liên S phải chịu trách nhiệm hình sự về số lượng chất ma túy tàng trữ là 0,27 gam. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố các bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, đây là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác trong xã hội. Trong vụ án này, bị cáo Lương Đức T là người mua ma túy về để sử dụng cho bản thân, đồng thời là người mua hộ ma túy cho Hoàng Liên S. Số lượng chất ma túy bị cáo Lương Đức T tàng trữ nhiều hơn bị cáo Hoàng Liên S.

Về nhân thân, các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi của bản thân, nhưng lười lao động, không có nghề nghiệp, nghiện ma túy dẫn đến phạm tội. Bị cáo Lương Đức T chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Hoàng Liên S có hai tiền sự đã được xóa về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị xử phạt hành chính và đưa đi cai nghiện bắt buộc, nhưng bị cáo không lấy đây làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy.

Vì vậy, cần phải có một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của mỗi bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo. Bố đẻ bị cáo Lương Đức T là thương binh. Mẹ đẻ các bị cáo Lương Đức T và Hoàng Liên S được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Do đó cần xem xét cho các bị cáo Lương Đức T và Hoàng Liên S được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là những người nghiện ma túy, không có việc làm, tài sản, thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ khi bắt quả tang, Lương Đức T khai mua của Tạ Đình P. Quá trình điều tra không có căn cứ chứng minh Tạ Đình P đã bán ma túy cho Lương Đức T nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái không đủ căn cứ để xử lý Tạ Đình P trong vụ án này.

[7] Đối với người đàn ông tên là C mà Lương Đức T khai đã đưa tiền cho T

để nhờ mua hộ ma túy. Quá trình điều tra do T không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ của C. Tiến hành rà soát, xác minh trên địa bàn thành phố Yên Bái không có đối tượng như T đã khai báo nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý đối với C trong vụ án này.

[8] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với các tài sản của Tạ Đình P gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân số 060.665.339 mang tên Tạ Đình P; 01 điện thoại di động loại bàn phím màu xanh nhãn hiệu Nokia có gắn sim số 0912.978.889, không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho Tạ Đình P là phù hợp.

- Đối với 01 xe moto nhãn hiệu JUPITER màu đen đã qua sử dụng, gắn biển kiểm soát 21V2 – 8459 là tài sản thuộc quyền quản lý hợp pháp của anh Nguyễn Xuân Q và 01 xe moto nhãn hiệu DENRIM biển kiểm soát 21V3-5821 là tài sản hợp pháp của ông Hoàng Văn D. Anh Q, ông D không biết mục đích sử dụng xe, không liên quan đến hành vi phạm tội của Lương Đức T và Hoàng Liên S, do đó cơ quan điều tra đã trả lại xe moto cho các chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp là phù hợp.

- Đối với 0,295 gam ma túy loại Heroin cơ quan điều tra đã sử dụng giám định hết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn lại là 0,42 gam ma túy (thu giữ của Lương Đức T) và 0,2 gam ma túy (thu giữ của Hoàng Liên S) được niêm phong (sau khi đã trích mẫu giám định), cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với các tài sản thu giữ của Hoàng Liên S gồm: 01 ví giả da màu nâu, đen; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Liên S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstell màu xanh-đen lắp 02 sim có số thuê bao 0375.019.843 và 0845.847.900 - là tài sản hợp pháp của Hoàng Liên S và các tài sản thu giữ của Lương Đức T gồm số tiền 55.000 đồng (trong đó có 25.000 đồng của T và 30.000 T khai xin của P) và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia đen trắng màu đen lắp sim có số thuê bao 0395.281.461 – là tài sản hợp pháp của Lương Đức T. Đây là các tài sản không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, nhưng cần tạm giữ số tiền 55.000 đồng của Lương Đức T để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 1.370.000 đồng là tiền của ông Hoàng Văn D, đưa cho Hoàng Liên S đóng học cho con, xét thấy, không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho ông Hoàng Văn D.

- Đối với số tiền 2.000 đồng là tiền Lương Đức T dùng để gói ma túy, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 06 vỏ phong bì đã mở niêm phong, giấy gói, các vỏ đoạn ống nhựa, 01 vỏ đoạn ống nhựa màu vàng cam có kẻ sọc màu trắng được hàn kín 01 đầu, 01 dao lam có chữ CROMA, 05 mảnh giấy loại tờ tìch được cắt nhỏ, 01 bật lửa ga màu đỏ, xét có liên quan đến tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lương Đức T và Hoàng Liên S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Lương Đức T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 10-11-2020.

2.2 Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Hoàng Liên S 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 10-11-2020.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1 Tịch thu tiêu hủy:

- 0,42 gam ma túy (thu giữ của Lương Đức T) và 0,2 gam ma túy (thu giữ của Hoàng Liên S) được niêm phong trong 01 phong bì do phòng Kỹ thuật hình sự - công an tỉnh Yên Bái phát hành, mặt trước có ghi “Vật chứng thu giữ của Lương Đức T và Hoàng Liên S khi bắt quả tang ngày 10/11/2020” (sau khi đã trích mẫu giám định).

- 06 vỏ phong bì đã mở niêm phong, các vỏ đoạn ống nhựa, giấy gói, 01 vỏ đoạn ống nhựa màu vàng cam có kẻ sọc màu trắng được hàn kín một đầu, 01 dao lam có chữ CROMA, 05 mảnh giấy gói (loại tờ lịch được cắt nhỏ), 01 bật lửa ga màu đỏ.

3.2 Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.000 đồng thu giữ của Lương Đức T

3.3 Trả lại cho:

- Lương Đức T: Số tiền 55.000 đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia đen trắng màu đen lắp sim có số thuê bao 0395.281.461. Nhưng cần tạm giữ số tiền 55.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Hoàng Liên S: 01 ví giả da màu nâu, đen; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Liên S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstell màu xanh-đen lắp 02 sim có số thuê bao 0375.019.843 và 0845.847.900.

- Ông Hoàng Văn D: Số tiền 1.370.000 đồng

(Đặc điểm chi tiết thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05-02-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lương Đức T và Hoàng Liên S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo Lương Đức T và Hoàng Liên S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh; VKS tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSTP, THATP; CATP ;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo (2); Người có QL, NVLQ (2);
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hoàng Hải